TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/5/2023
V/v*: " Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Dũng

2. Ông: Nguyễn Thành Thái

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST -HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Tiêu Thị L, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Tiêu Thị L trình bày như sau:*

Về hôn nhân : Năm 1987 bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V tự tìm hiểu yêu thương nhau, sống chung với nhau như vợ chồng mà không tổ chức đám cưới . Đến năm 2009 đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật , được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hòn Đất cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số xx ngày 26/02/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 03 người con chung . Tuy nhiên thời gian trở lại đây hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xường xuyên cãi vã nhau . Kể từ năm 2019 bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V bắt đầu sống ly thân, kể từ khi ly thân cuộc sống của ai người đó tự lo không còn quan tâm

chăm sóc nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tiêu Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn V.

Về con chung: Bà Tiêu Thị L trình bày bà và ông Nguyễn V có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị Quyền Tr, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1997 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1990, hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Tiêu Thị L trình bày bà và ông Nguyễn V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tiêu Thị L trình bày bà và ông Nguyễn V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn V đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Nguyễn V không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Tiêu Thị L yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn V, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Tiêu Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm năm 1987, bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số xx ngày 26/02/2009, nên hôn nhân giữa bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V là hôn nhân thực tế và hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Năm 2019 bà Tiêu Thị L và

ông Nguyễn V phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong đời sống hôn nhân nên đã sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V đoàn tụ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bà Tiêu Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn V vắng mặt điều đó chứng tỏ bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình . Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*

Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian ly thân giữa bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Tiêu Thị L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tiêu Thị L đối với ông Nguyễn V.

[3.2] Về quan hệ con chung: Bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V có 03 người con chung là Nguyễn Thị Quyền Tr, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1997 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1990, hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành , không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Tiêu Thị L trình bày tự thỏa thuận, quá trình tố tụng ông Nguyễn V không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét . Trường hợp sau này 02 bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về nợ chung: Bà Tiêu Thị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình : Bà Tiêu Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tiêu Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tiêu Thị L được ly hôn với ông Nguyễn V.

2. *Về quan hệ con chung :* Bà Tiêu Thị L và ông Nguyễn V có 03 người con chung là Nguyễn Thị Quyền Tr, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1997 và Nguyễn Duy T , sinh năm 1990. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành tự lo được cho bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung:* Bà Tiêu Thị L trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xé t. Trường hợp sau này 02 bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. *Về nợ chung:* Bà Tiêu Thị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Tiêu Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004238 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Tiêu Thị L đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *UBND xãM;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Phúc